

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/KDTM-PT
Ngày: 29/01/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang.
Các Thẩm phán: Bà Mạc Thị Chiên.
Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2025/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1.000/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV L. Trụ sở: số 279 T, khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau – Nay là số 279 T, khóm H, phường L, tỉnh Cà Mau. Do ông: Hoàng Văn T - Giám đốc là người đại diện cho pháp luật. (Vắng mặt).

* Bị đơn: Công ty TNHH Đ1 Đ. Trụ sở: số A N, khu V, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ - Nay là số A N, khu vực 5, phường B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức H - Giám đốc. Địa chỉ: 1 N, khu V, phường A, quận Bình Thủy thành phố C – Nay là số A N, khu vực 5, phường B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Võ Ngọc N, sinh năm 2001. Địa chỉ thường trú: Số A, khu V, phường T, thành phố T. Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, phường C, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/7/2025) (Có mặt).

** Người kháng cáo: Công ty TNHH Đ1 Đ.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – có đại diện theo pháp luật trình bày:*

Nguyên trước đây vào ngày 17/05/2021 Công ty TNHH MTV L (gọi tắt là Công ty L) có ký Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021 với Công ty TNHH Đ1 Đ (gọi tắt là Công ty Đ1) để thi công hạng mục đường dây trung thế 3 pha 24 kV và trạm biến áp C pha 1000KVA – 22/0.4kV với tổng giá trị là: 1.110.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười triệu đồng). Ngay khi ký hợp đồng thì phía Công ty L đã chuyển tiền tạm ứng đợt 1 số tiền 444.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng) qua tài khoản tài khoản Ngân Hàng cho Công ty Đ1.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì Công ty Đ1 không thực hiện dự án như đã cam kết, phía Công ty L đã yêu cầu Công ty Đ1 Đ thanh toán lại số tiền đã tạm ứng, nhưng đến thời điểm hiện nay Công ty Đ1 không hoàn trả lại số tiền tạm ứng. Hiện nay Công ty L liên hệ đề nghị phía Công ty Đ1 Đ thanh toán toàn bộ số tiền nhưng phía Công ty Đ1 Đ thiếu sự hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán của mình. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Công ty Đ1 Đ trả cho Công ty L số tiền 444.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Công ty Đ1 Đ trả lại cho Công ty L số tiền lãi từ ngày 23/06/2021 đến ngày 10/12/2024 với số tiền là 186.684.000 đồng (Một trăm tám sáu triệu sáu trăm tám bốn nghìn đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi yêu cầu tính lãi là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

** Bị đơn trình bày:* Trước đây, giữa 2 Công ty Đ1 có ký Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021 và biết Công ty L chuyển số tiền 444.000.000 (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng) vào tài khoản của Công ty Đ1. Sau khi tiền về Công ty Đ1 Đ ông Huỳnh Văn B đề nghị ông H ký ủy nhiệm chi chuyển số tiền đó vào tài khoản ATM của ông B để ông B mua vật tư máy móc, ông H đã đồng ý ký chuyển số tiền đó cho ông B. Sau một thời gian giám đốc công ty L đến đòi tiền thì ông B nói không có mặt bằng lắp trạm nên không thực hiện được (hai bên không làm thanh lý hợp đồng và phương thức trả lại tiền cho nhau) ông H có nói với ông B xem cụ thể có thiệt hại gì không hai bên thống nhất tiền của người ta trả lại cho người ta, đừng để người ta đến làm phiền ông H, ông B đồng ý và nói để ông B giải quyết. Sau một thời gian, thấy ông T nhiều lần gọi điện và trực tiếp lên đòi tiền ông H có gọi ông B và bắt ông B trả dứt điểm số tiền còn nợ cho ông T và không ký bất cứ giấy tờ hợp đồng nào nữa, đóng cửa công ty, ông B sẽ chịu trách nhiệm giải quyết số nợ với Công ty TNHH MTV L.

** Vụ án được hòa giải không thành và đưa ra xét xử. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV L đối với bị đơn Công ty TNHH Đ1 Đ. Chấm dứt Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021” được ký giữa Công ty TNHH Đ1 và công ty TNHH MTV L.

Buộc Công ty TNHH Đ1 Đ phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV L tổng cộng số tiền 580.000.000 đồng, trong đó, gốc là 444.000.000 đồng (Bốn trăm bốn triệu đồng). Buộc Công ty TNHH Đ1 Đ trả lại cho Công ty TNHH MTV L số tiền lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày 29/9/2025 chỉ yêu cầu số tiền là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án. Do đó, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025) nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2025, bị đơn có đơn kháng cáo: đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

* Đại diện nguyên đơn: vắng mặt.

* Đại diện bị đơn: đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận trả phần tiền gốc, không chấp nhận trả phần tiền lãi và cho rằng do đây là Hợp đồng song vụ, bên nguyên đơn phải có nghĩa vụ bàn giao mặt bằng. Vì vậy, nguyên đơn cũng có lỗi do không bàn giao mặt bằng theo điều 12 của Hợp đồng nên áp dụng Điều 295 Luật thương mại bị đơn được miễn trách nhiệm trả lãi.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Công ty Đ1 chỉ đồng ý hoàn trả 444.000.000 đồng và số tiền lãi số tiền là 136.000.000 đồng là có căn cứ có lợi cho bị đơn.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để xem xét đánh giá yêu cầu kháng cáo. Về án phí: do không chấp nhận kháng cáo nên buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng thi công” là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định của Luật thương mại. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ, thụ lý xác định tranh chấp và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách đương sự:* Theo trình bày của bị đơn ông Huỳnh Văn B có liên quan đến vụ án tuy nhiên bị đơn không có đơn phản tố và ông Huỳnh Văn B hiện không có mặt tại địa phương, do đó khi bị đơn có yêu cầu sẽ tách giải quyết thành vụ khác là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Hoài N1 và ông Huỳnh Văn B không thuộc là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[3] *Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm:* Xét Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật. Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

[4.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch với nhau là hoàn toàn có thật. Ngay khi ký hợp đồng thi phía Công ty L đã chuyển tiền tạm ứng đợt 1 số tiền 444.000.000 đồng qua tài khoản Ngân Hàng và theo bảng sao kê thể hiện ngày 23/6/2021 nguyên đơn có chuyển cho bị đơn số tiền trên. Đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền trên và đồng ý trả lại. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Các bên không đặt vấn đề về số nợ gốc nên không đặt ra xem xét lại

[4.2] Bị đơn có kháng cáo không đồng ý về số tiền phải trả: Đại diện bị đơn cho rằng đây là Hợp đồng song vụ, bên nguyên đơn phải có nghĩa vụ bàn giao mặt bằng, nguyên đơn cũng có lỗi do không bàn giao mặt bằng theo điều 12 của Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021 nên áp dụng Điều 295 Luật thương mại bị đơn được miễn trách nhiệm không phải trả lãi.

[4.3] Cấp sơ thẩm đánh giá đây không thuộc trường hợp điều 10 của Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021 và không thuộc các trường hợp theo điều 294 Luật thương mại. Hơn nữa bị đơn cũng chưa chứng minh được thuộc trường hợp miễn trách nhiệm. Do đó, trình bày của bị đơn là không có cơ sở xem xét, án sơ thẩm buộc trả nợ là có căn cứ.

Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu trả lại cho số tiền lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày 29/9/2025 chỉ yêu cầu số tiền là 136.000.000 đồng như cấp sơ thẩm phân tích đây là yêu cầu có lợi cho bị đơn nên làm căn cứ chấp nhận là phù hợp.

[5]. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để xem xét đánh giá. Đối với phần trình bày của ông H về ông B khi cần thiết có thể yêu cầu giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH Đ1 Đ: Giữ Y Bản án kinh doanh thương mại số 11/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV L đối với bị đơn Công ty TNHH Đ1 Đ.

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây lắp số: 21/HĐXL/ĐLĐĐ/2021 ngày 17/5/2021” được ký giữa Công ty TNHH Đ1 và công ty TNHH MTV L.

Buộc Công ty TNHH Đ1 Đ phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV L tổng cộng số tiền 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng), trong đó, gốc là 444.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Buộc Công ty TNHH Đ1 Đ trả lại cho Công ty TNHH MTV L số tiền lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày 29/9/2025 số tiền là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án. Do đó, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025) nếu bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn Công ty TNHH Đ1 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.200.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV L số tiền 10.880.000 đồng (Mười triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0000089 ngày 14/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Đ1 Đ chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006093 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/01/2026).

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2- Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang